

CULTURAL SOUNDS:
THE SPIRIT OF
VIETNAM



CA HUÉ
(THE HUÉ SINGING)
IN CENTRAL
VIETNAM

NGHỆ THUẬT CA HUẾ MIỀN TRUNG VIỆT NAM

Published by
Vietnamese Institute for Musicology

In Collaboration with
International Information and Networking Centre for
Intangible Cultural Heritage in the Asia-Pacific Region
under the Auspices of UNESCO (ICHCAP)

Supported by
Cultural Heritage Administration of Korea

Design by
Design Nanum

© 2015 VIM
© 2015 ICHCAP

Ca Huế là một thể loại âm nhạc thính phòng cổ truyền độc đáo của Huế- một thành phố ở miền Trung Việt Nam. Ca Huế có nguồn gốc từ âm nhạc cung đình, “Từ cung trung nhạc, một loại nhạc thính phòng trong cung thất của vua và của mẹ vua Nguyễn”.¹ Thoạt đầu, ca Huế là loại nhạc thính phòng chỉ trình diễn trong tư dinh của các ông hoàng bà chúa, các quan lại, những người giàu có. Sau đó, nó được mở rộng không gian trình diễn dần ra ngoài dân gian, tham gia vào các sinh hoạt nghệ thuật của người dân. Ca Huế dần được dân gian hóa, du nhập và chịu ảnh hưởng của các thể loại âm nhạc dân gian của Huế. Trong quá trình phát triển, Ca Huế cũng có những ảnh hưởng ngược trở lại âm nhạc cung đình như trường hợp 10 bản Tàu (còn gọi là 10 bản Ngự hay Thập thủ liên hoàn) được chơi trong các cuộc tế lễ hay các dịp khác ở cung đình là do các nhạc công Ban Ngự nhạc vay mượn từ bài bản ca Huế và cung đình hóa. Có thể nói, ca Huế là sự hòa quyện nhuần nhuyễn những tinh hoa của hai dòng nhạc dân gian và cung đình, mang một phong vị đặc biệt, vừa thỏa mãn nhu cầu thưởng thức nghệ thuật của tầng lớp trí thức quý tộc, vừa được người dân yêu thích, mến mộ. Vì thế, ngày trước, cứ mỗi khi đến dịp lễ lạc như tiệc năm mới, mừng thăng quan tiến chức, mừng khai trương..., Ca Huế

lại được tổ chức trình diễn trong các tư gia của giới quan lại, quý tộc giàu có và trong các không gian sinh hoạt của người dân Huế.

Trước kia, tham gia sinh hoạt trong nhóm Ca Huế thính phòng thường là các quý tộc, quan lại trong cung, các văn nhân, nho sĩ- những người có trình độ, kiến thức văn chương uyên thâm, có khả năng sáng tạo những lời ca, ý nhạc hay, sâu sắc. Họ cùng ngồi chơi đàn ca với nhau, thấu hiểu và chia sẻ tâm tư, cảm xúc với nhau qua những tiếng đàn, điệu ca. Phần diễn tấu, ca xướng của người này chính là nguồn động lực tạo sự hứng khởi sáng tác, đàn hát cho người kia. Họ lắng nghe, hiểu ý nhau để cùng sáng tạo, ứng đối tại chỗ những câu nhạc, câu ca ẩn ý, phối hợp nhuần nhuyễn với nhau. Do đó, trong thời kỳ hình thành và hưng thịnh của mình, sinh hoạt Ca Huế không có sự quy định, phân chia rạch ròi về người sáng tác, người biểu diễn và người thưởng thức. Mỗi thành viên trong nhóm Ca Huế thính phòng vừa là người sáng tác, vừa là người biểu diễn. Những người trong nhóm cũng chính là khán thính giả của nhau. Họ thưởng thức tài năng nghệ thuật của nhau một cách trân trọng... Trong nhiều năm trở lại đây, ngoài hình thức sinh hoạt Ca Huế thính phòng, Ca Huế đã được đưa lên biểu diễn trên sân khấu để phục vụ đông đảo công chúng và khách du lịch. Đối với hình thức biểu diễn Ca Huế này, gần như đã có sự phân tách rõ ràng, độc lập giữa các chức năng: sáng tác (đàn dựng), biểu diễn và

1. Trần Văn Khê: Lời Ca Huế và lời nhạc Tài tử. Tạp chí Bách Khoa số 101, Sài Gòn, 1961, trang 68. Dẫn theo Dương Bích Hà trong sách “Lý Huế” (Viện Âm nhạc- NXB Âm nhạc, Hà Nội, 1997)

thường thức, giống như các loại hình âm nhạc chuyên nghiệp. Mỗi quan hệ tương tác giữa các thành viên trong nhóm Ca Huế thính phòng như trước đây giờ chỉ còn được thấy trong các sinh hoạt Ca Huế tại các tư gia.

Ca Huế có hai hình thức trình diễn: hòa tấu nhạc cụ và hát có đệm nhạc. Dân nhạc sử dụng trong ca Huế bao gồm các nhạc cụ như: đàn nguyệt, đàn nhị, đàn tỳ bà, đàn tranh, đàn tam, đàn bầu, sáo, sênh, sênh tiền, trống. Các dạng hòa tấu trong ca Huế thường thấy là: song tấu (đàn tranh - đàn tỳ bà, đàn tranh - đàn nguyệt hoặc đàn tranh - đàn nhị); tam tấu (đàn tranh - đàn nhị - đàn nguyệt); và phổ biến nhất là ngũ tấu (đàn tranh - đàn nhị - đàn nguyệt - đàn tỳ bà - đàn tam). Hiện nay, dân nhạc ca Huế nhiều khi vắng bóng cây đàn tam, nhưng lại có sự bổ sung thêm các nhạc cụ: trống, sênh tiền, sênh hay song loan. Ngoài ra, khi đệm cho ca, người ta còn chơi thêm sáo và đàn bầu.

Có nhiều cách lên dây đàn trong ca Huế với tên gọi các loại dây như: dây bắc, dây nam, dây oán, dây thuận, dây nghịch, dây chân, dây thiệt, dây nguyệt điều dây hò nhưt, dây hò nhì, dây hò ba, dây hò tư. Tùy thuộc vào từng loại bài bản được chơi, các nhạc công sẽ lên dây đàn cho phù hợp. Cũng như ở các thể loại âm nhạc truyền thống mang tính chuyên nghiệp khác, kỹ thuật quan trọng nhất trong cách chơi đàn dây ở dân nhạc Ca Huế là nhấn và rung với các ngón nhấn như: nhấn nửa bực, nhấn một bực, nhấn một bực rưỡi, nhấn hai bực, thậm chí nhấn đến ba bực, nhấn vuốt, nhấn mỏ, nhấn nháy, nhấn rung và các kỹ thuật như: chầy, hướng, vạ, mỏ, bấm, bịt, day, chớp, búng, phi, rải... Tuy nhiên, các kỹ thuật này được sử dụng với một phong cách riêng, khác biệt, tạo nên chất Huế đặc trưng, không nơi nào có được. Khi hòa tấu, các nhạc cụ trong dân nhạc Ca Huế có vai trò ngang nhau, không phân biệt các bè chính phụ.

Bên cạnh lối chơi hòa tấu dân nhạc, hình thức hát có nhạc đệm

trong Ca Huế cũng rất phổ biến. Đây là hình thức trình diễn thể hiện đậm nét nhất sắc thái địa phương của Ca Huế với âm điệu giọng nói của người Huế, với phần lời ca chứa đựng nhiều ngôn từ địa phương. Người hát Ca Huế phải luyện tập công phu cách “phát âm” “nhả chữ” đạt tới nghệ thuật “tròn vành rõ chữ” đúng giọng nói vùng Thừa Thiên-Huế. Trong nghệ thuật hát Ca Huế, người ta cũng sử dụng những kỹ thuật thanh nhạc đặc trưng như: đưa hơi, rung, luyến, sử dụng giọng cổ, giọng óc... Tuy nhiên, để hát được ra phong cách Ca Huế, chỉ có thể học hỏi, luyện tập theo phương pháp thị phạm, truyền khẩu trực tiếp.

Hệ thống bài bản của Ca Huế rất phong phú, bao gồm nhiều bài bản thanh nhạc và khí nhạc theo hai điệu chính là điệu Bắc (có âm điệu tươi tắn, trang trọng) và điệu Nam (âm điệu buồn) cùng một hệ thống “hơi” (còn gọi là “giọng”) đa dạng diễn tả những sắc thái tinh cảm khác nhau như: hơi ai (diễn tả sự buồn thương, ai oán với tốc độ chậm rãi), hơi oán (diễn tả nỗi buồn sâu xa, có tính chất oán thán), hơi xuân (mang tính chất đĩnh đạc, tươi vui hơn hơi ai), hơi đặng (có sự chuyển từ điệu Nam sang điệu Bắc và ngược lại), hơi quảng (những bài bản mang âm hưởng của âm nhạc miền Nam Trung Quốc), hơi đào (những bài điệu Bắc có nhiều đoạn chuyển điệu), hơi nhàn (những bài bản mang phong cách trang trọng, lễ nghi), hơi thiền (những bài bản của âm nhạc Phật giáo)... Có thể kể ra một số bài bản tiêu biểu trong hệ thống bài bản Ca Huế như:

- Các bài thuộc điệu Bắc: Lưu thủy, Ngũ đối thượng, Ngũ đối hạ, Long ngâm, Cổ bản, Lộng điệp, Phú lục (nhanh và chậm), Thập thủ liên hoàn (Phẩm tuyết, Nguyên tiêu, Hồ quang, Liên hoàn, Bình bản, Tây mai, Kim tiền, Xuân phong, Long hổ, Tâu mã).

- Các bài thuộc điệu Nam hơi ai: Nam ai (Ai giang nam), Nam

binh, Quả phụ, Trương tư khúc.

- Các bài thuộc điệu Nam hơi xuân và hơi đặng: Hành vân, Nam xuân (Hạ giang nam), Cổ bản đặng, Tứ đại cảnh.

Ngoài ra, trong biểu mục trình diễn Ca Huế còn có những làn điệu Lý và Hồ được du nhập từ kho tàng âm nhạc dân gian xứ Huế như Lý tình tang, Lý từ vi, Lý vọng phu, Hồ mái đây, Hồ mái nhì.

Các buổi trình diễn Ca Huế thường được mở đầu bằng các bài bản thuộc điệu Bắc, sau mới đến các bài bản thuộc điệu Nam, dẫn dắt cảm xúc người nghe từ vui vẻ, tươi tắn sang buồn man mác.

Với lịch sử hơn hai thế kỷ tồn tại và phát triển, Ca Huế đã trở thành một trong những loại hình nghệ thuật dân tộc đặc sắc của Việt Nam nói chung và của dải đất miền Trung nói riêng.

Các tiết mục Ca Huế được giới thiệu trong đĩa CD này do Viện Âm nhạc sưu tầm và thu thanh vào những năm 70 và 90 của thế kỷ XX. Mặc dù chất lượng âm thanh của các tiết mục không đồng đều, nhưng đây là những tư liệu chân thực do các nghệ nhân Ca Huế lão thành trình bày vào những thời kỳ đỉnh cao trong cuộc đời ca hát của họ mà bây giờ khó có thể thực hiện lại được.

1. Thập thủ liên hoàn (hòa tấu dàn nhạc)

Trình diễn: Nhóm nghệ nhân thành phố Huế
Thời gian sưu tầm và thu thanh: 1998

Đây là một liên khúc gồm 10 bài bản được diễn tấu liên tục, liền mạch. Nó còn có các tên gọi khác như: Mười bản Ngự hay Mười bản tấu do khi du nhập vào cung đình, nó được trình diễn trong các dịp lễ, yến tiệc hoặc lúc đón tiếp các sứ thần của triều đình. Một tên gọi khác cũng được sử dụng để chỉ liên khúc này là Mười bản Tàu. Mười bài bản trong liên khúc này được chơi nối liền nhau theo thứ tự:

- + Phẩm tuyệt
- + Nguyên tiêu
- + Hồ quảng
- + Liên hoàn
- + Bình bán hay Bình bản
- + Tây mai
- + Kim tiền
- + Xuân phong
- + Long hổ
- + Tàu mã

Liên khúc mười bài này được trình diễn với nhịp điệu đi từ chậm tới nhanh, từ khoan thai tới rộn ràng, và kết thúc ở bài Tàu mã là cao trào của tác phẩm. Ngày nay, liên khúc Thập thủ liên hoàn nhiều khi không được chơi đầy đủ cả mười bài, mà chỉ có 2 bài như: Phẩm tuyệt-Nguyên tiêu hay thậm chí lại diễn tấu kết hợp một bài bản khác với một bài trong liên khúc như Lưu thủy-Kim tiền.

2. Lý vọng phu (hát và dàn nhạc)

Trình diễn: Minh Mẫn
Thời gian sưu tầm và thu thanh: 1997

Lý vọng phu là một trong những bài bản thuộc hệ thống các điệu Lý được du nhập từ kho tàng âm nhạc dân gian vùng Thừa Thiên-Huế vào trong Ca Huế. Bài hát là lời tâm sự của một người vợ có chồng đi xa, ngày đêm ôm con thương nhớ, đợi chờ người chồng.

Ngồi khuấy nước giờ trăng
Con nín đi con
Nước sao trắng lặn trắng buồn
Phụ tình oan duyên chi vậy
Thiếp luống trông chàng
Chẳng thấy chàng đâu
Ới chàng chàng ơi
Ới người tình thương ơi,
Chi mà tẻ lấm chàng
Chi mà bạc lấm chàng
Nín đi con, lủ đi con
Đừng than khóc con ơi,
Gió mùa xuân mẹ đừng đừng bước mắc
Thiếp nhớ tới chàng
Ruột thắt héo hon
Ới chàng chàng ơi
Ới người tình thương ơi,
Chi mà tẻ lấm chàng
Chi mà bạc lấm chàng
Nín đi con, lủ đi con

Đừng khóc nữa con ơi,
Gió mùa hè nghe tiếng ve kêu về
Thiếp luống trông chàng
Bóng xế đặng lưu
Ới chàng chàng ơi
Ới người tình thương ơi,
Chi mà tẻ lấm chàng
Chi mà bạc lấm chàng
Nín đi con, lủ đi con
Đừng khóc nữa con ơi,
Gió mùa thu mẹ ru con ngủ
Thôi chớ con rầy quy thú nơi nao
Ới chàng chàng ơi
Ới người tình thương ơi,
Chi mà tẻ lấm chàng
Chi mà bạc lấm chàng
Nín đi con, lủ đi con
Đừng khóc nữa con ơi,
Gió mùa đông nằm không gối chiếc
Thiếp luống trông chàng
Chẳng thấy chàng đâu
Ới chàng chàng ơi
Ới người tình thương ơi,
Chi mà tẻ lấm chàng
Chi mà bạc lấm chàng
Nín đi con, lủ đi con
Đừng than khóc con ơi,
Mẹ trông bốn mùa
Chớ thấy con, mẹ than khóc
Miệng núi non một mình
Đừng than khóc con ơi

3. Nam ai (Hòa tấu dàn nhạc)

Trình diễn: Nhóm nghệ nhân thành phố Huế
Thời gian sưu tầm và thu thanh: 1998

Nam ai, còn được gọi là Ai giang nam, là một làn điệu cơ bản trong hệ thống bài bản Ca Huế. Tương truyền, chúa Nguyễn Phúc Chu tức chúa Minh thời các chúa Nguyễn (1691-1725) đã sáng tác ra bài Ai giang nam chính là tiền thân của bản Nam ai. Theo đó, thời điểm ra đời của làn điệu Nam ai có thể là đầu thế kỷ XVIII. Giai điệu Nam ai được chơi với tốc độ chậm rãi, có tính chất buồn, ai oán. Do vậy, nó không được du nhập trình diễn trong cung đình, mà đôi khi lại được sử dụng trong âm nhạc phục vụ cúng tế hay tang lễ.

4. Nam xuân (Độc tấu nhị)

Trình diễn: Phạm Văn Phúc
Thời gian sưu tầm và thu thanh: 1998

So với Nam ai, làn điệu này tươi tắn hơn, diễn tả một nỗi buồn man mác, dịu nhẹ, nhiều khi lại mang tính chất trang trọng, uy nghiêm. Với một thủ pháp rung nhấn riêng, làn điệu Nam xuân trong Ca Huế có âm hưởng không giống với những làn điệu cùng tên trong các thể loại âm nhạc khác như Đờn ca tài tử hay Tuồng...

5.

Tử đại cảnh (Hòa tấu dàn nhạc)

Trình diễn: Nhóm nghệ nhân thành phố Huế
Thời gian sưu tầm và thu thanh: 1998

Đây là một trong những bài bản tiêu biểu của Ca Huế. Nó được cho là của vua Tự Đức (1848-1883) thời nhà Nguyễn dựa trên bài dân ca Quan họ Khi tương phùng khi tương ngộ sáng tác ra đề ca ngợi bốn cảnh lớn của trời đất: Xuân, Hạ, Thu, Đông. Cũng có người cho rằng nội dung của bài nhằm ca ngợi, tôn vinh bốn đời vua triều Nguyễn: Gia Long, Minh Mạng, Triệụ Trị, Tự Đức.

Bài Tử đại cảnh thuộc điệu Nam hơi dựng, có tính chất sang trọng, đượm buồn, vừa như tâm sự thổn than vừa như thâm trách.

6.

Lý tình tang (Hát và dàn nhạc)

Trình diễn: Diệu Liên
Thời gian sưu tầm và thu thanh: 1972

Cũng giống như bài Lý vọng phu, Lý tình tang là một bài thuộc dòng âm nhạc dân gian Huế được đưa vào hệ thống bài bản của Ca Huế. Bài này mang nội dung giao duyên, miêu tả mười nét

đẹp của người con gái dưới lăng kính của một chàng trai đang đắm yêu trộm nhớ.

Một thương tóc bỏ đuôi gà

Hai thương ả nói mặn mà có duyên

Ba thương má lúm đồng tiền

Bốn thương mắt lẳng hột huyền kém thua

Năm thương cổ hay đeo bùa

Sáu thương nón tượng cỏi thù dịu dàng

Bảy thương ả nói khôn ngoan

Tám thương mà tính lịch càng thêm xinh

Chín thương có nụ ngọc bích

Mười thương mắt liếc đưa tình cho ta.

7.

Long ngâm (Hòa tấu dàn nhạc)

Trình diễn: Nhóm nghệ nhân thành phố Huế
Thời gian sưu tầm và thu thanh: 1998

Nếu như Thập thủ liên hoàn là liên khúc mười bài được các nhạc quan triều đình lấy từ Ca Huế vào tấu trong cung, thì Long ngâm lại là trường hợp ngược lại. Đây là một bài bản trong âm nhạc cung đình theo chân thể loại Ca Huế ra ngoài dân dã. Bài Long ngâm có tính chất trang trọng, uy nghiêm nhưng đượm chút thương cảm. Nó có sự đan xen, hòa hợp giữa hai tính chất buồn và vui.

8.

Hồ mái nhì - Nam Bình (Hát và dàn nhạc)

Trình diễn: Khánh Vân
Thời gian sưu tầm và thu thanh: 1997

Đây là một tiết mục rất nổi tiếng và đặc trưng của Ca Huế, với sự kết hợp tiếp nối giữa một điệu Hồ trong dân gian và một bài bản tiêu biểu trong Ca Huế.

Hồ mái nhì là một điệu Hồ trên sông nước, với âm điệu ngân nga, êm ả, mềm mang bắt tận. Hồ mái nhì được ưa chuộng từ nông thôn đến thành thị ở vùng Thừa Thiên-Huế, đặc biệt rất hay được hát trên dòng sông Hương nước chảy lững lờ, thơ mộng. Đoạn thơ trong bài Hồ mái nhì này được sáng tác bởi cụ Ứng Bình Thúc Giạ Thị là một hoàng thân thời nhà Nguyễn và là một nhà thơ nổi tiếng xứ Huế nửa đầu thế kỷ XX.

Điệu Nam Bình trong Ca Huế có âm nhạc du dương, buồn man mác. Điệu này thường hay được biết đến với phần lời ca là một bài thơ nổi tiếng “Tình phân ly” nói về cuộc hôn nhân lịch sử giữa công chúa Huyền Trân của nước Đại Việt và vua Chế Mân của nước Chiêm Thành vào thế kỷ XIV.

CA HUẾ (THE HUẾ SINGING) IN CENTRAL VIETNAM

Ca Huế (the Huế singing) was a special traditional chamber music in Huế, a central city of Vietnam. Ca Huế originated from royal music. “There was the chamber music, serving the Nguyễn Kings and their mothers”.¹ At first, Ca Huế was the chamber music performed in the palaces of royal families, mandarins, and wealthy people. After that, it spread to common communities. Ca Huế has been gradually influenced by many Huế folk musical types. During its development, Ca Huế affected royal music; for example, ten bản Tàu musical pieces (or it can be called ten bản Ngự or Thập thủ liên hoàn) were played in sacrifice ceremonies or some occasions in the court by royal instrumentalists. Ca Huế is the essence mixture of folk music and royal music, which creates the special nuance satisfying the artistic demand of the elite intellectual class and the common class. As a result, in the past, during happy occasions such as New Year ceremonies, parties for celebrating promotions, or

parties for opening new businesses, Ca Huế was organised at the private houses of mandarins, the elite class, and Huế common people.

In the past, participants of Ca Huế included only the elite class, mandarins, and the people with erudite literary knowledge and with the ability to compose beautiful and profound lyrics. They played instruments together and shared their thoughts through instrumental music and singing. The singing and the instrumental music of one person was the inspiration for the singing and the musical composition of another. Group members were also the audiences. They enjoyed their mutual talents respectfully. In recent years, Ca Huế has been performed on stage to also serve the common people. In this musical type, there is a clear classification between composers, performers, and audiences like professional music. The interactive relation among group members of Ca Huế chamber music can be presently only found in Ca Huế in private houses.

Ca Huế includes two performance styles: instrumental music and singing with accompaniment. The orchestra in Ca Huế in-

cludes the nguyệt (moon-shaped lute, the nhị (two-string fiddle), the tỳ bà (pear-shaped lute), the tranh (sixteen-string zither), the tam (three-string lute), the bầu (monochord), the flute, the sênh (clappers), sênh tiền (castanets with coins stringed), and the drum. The popular forms of Ca Huế consist of the instrumental duet (for the tranh and tỳ bà, for the tranh and nguyệt, and for the tranh and nhị), the instrumental trio (for the tranh, nhị, and nguyệt), and the most popular form of instrumental ensemble of five instruments ngũ tuyệt (the nguyệt, nhị, tỳ bà, tranh, and tam). At present, the tam lute is sometimes absent in the Ca Huế ensemble; however, the drum, sênh tiền, sênh, or song loan percussion has been newly included in this orchestra. In addition, the flute and the bầu are played to accompany singing.

There are many Ca Huế tunings, including bắc string, nam string, oán string, dây thuận, dây nghịch, dây chân, dây thiệt, dây nguyệt điều, dây hò nhưt, hò nhị string, hò ba string, and hò tư string. Songs dictate the tuning. Like other professional traditional musical types, the most important techniques in playing the stringed instruments in the Ca Huế ensemble are pressing fingers and vibrating fingers, such as pressing a semitone, pressing a whole tone, pressing a one and a half tone, pressing two tones, even pressing three tones, glissando, hitting, skipping, vibrato, and other finger techniques such as slapping, hitting, fuffocato, arpeggios, staccato, chầy, hường, chớp, day. However, these techniques are performed in a special style, creating a specific Huế figure, different from other places. In instrumental ensembles, the instruments in the Ca Huế have an equal role.

In addition to the instrumental ensemble, singing with accompaniment in Ca Huế is also popular. It is a local nuance of Ca Huế with the Huế voice and the lyrics with local words. Ca Huế singers have to practice enunciating the words carefully

in accordance with the voice of the people in Thừa Thiên-Huế region. The typical vocal-music techniques of Ca Huế are used such as vibrating, trilling, throat voice, or head voice. Nevertheless, singers have to take oral transmission training so that they can sing in accordance with the Ca Huế style.

There is a wide Ca Huế repertoire, including many vocal-music songs and instrumental musical pieces in accordance with two main tunes: Bắc tune (with cheerful and solemn tunes) and Nam tune (with sad tunes). These melodies have the same nuances, which can express different emotional types—for example, ai (expressing sadness with slow speed), oán (expressing deep sorrow with complaints), xuân (having more mature characteristics and being more cheerful than ai), dựng (the change from Nam tune to Bắc tune and vice versa), quảng (having the musical nuance of southern China), đảo (musical pieces with Bắc tune and having many modulates), nhạc (having the solemn nuance of rites), and thiền (having repertoire of Buddhist nuance). The following are some typical Ca Huế musical pieces.

- The musical pieces with Bắc tune: Lưu thủy, Ngũ đối thượng, Ngũ đối hạ, Long ngâm, Cổ bản, Lộng điệp, Phú lục (slow and fast), and Thập thủ liên hoàn (Phẩm tuyệt, Nguyên tiêu, Hò quảng, Liên hoàn, Bình bản, Tây mai, Kim tiền, Xuân phong, Long hò, and Tàu mã).

- The musical pieces with Nam tune, ai nuance: Nam ai (Ai giang nam), Nam bình, Quả phụ, and Tương tư khúc.

-The musical pieces with Nam tune, xuân nuance and dựng nuance: Hành vân, Nam xuân (Hạ giang nam), Cổ bản dựng, and Tứ đại cảnh.

1. Trần Văn Khê: *Lối Ca Huế và lối nhạc Tài tử*. The Bách Khoa journal, No. 101, Sài Gòn, 1961, page 68. Cited by Dương Bích Hà from the “*Lý Huế*” book (The Vietnamese Institute for Musicology - the Music Publisher, Hà Nội, 1997)

Furthermore, some Ca-Huế musical pieces have the nuance of Lý and Hò tunes, including Lý tinh tang, Lý tử vi, Lý vọng phu, Hò mái đẫy, or Hò mái nhì.

Ca Huế performances are often opened by the musical pieces with Bắc tune, followed by those with Nam tunes, which lead audiences from happy feelings to melancholy feelings.

With over two centuries of development, Ca Huế has become one of the special traditional musical types of Vietnam in general and in central Vietnam in particular.

The Ca Huế acts on this CD were recorded by the Vietnamese Institute for Musicology in the 1970s and the 1990s. Although the sound quality of different acts is not equal, they were performed by Ca Huế veteran artists at the peak of their career; thus, it is difficult to perform these acts with such quality again.

1. Thập thủ liên hoàn (Instrumental ensemble)

Performers: The folk artist group in Huế City
Time of audio-recording: 1998

Thập thủ liên hoàn is a medley including ten continuously played musical pieces. It was called Mười bản Ngự or Mười bản tấu after it was performed in ceremonies, parties, or reception ceremonies of royal emissaries in the court. Furthermore, it can be called Mười bản Tàu. The ten musical pieces in this medley are played uninterruptedly in the following order:

- + Phẩm tuyệt
- + Nguyễn tiêu
- + Hồ quang
- + Liên hoàn
- + Bình bán hay Bình bản
- + Tây mai
- + Kim tiền
- + Xuân phong
- + Long hồ
- + Tàu mã

This medley is performed from a slow tempo to a quick tempo, from *adagio* to *animato* and ends with the Tàu mã musical piece, which is the climax of this work. At present, not all ten musical pieces in the medley are performed. Instead, only two pieces—Phẩm tuyệt and Nguyễn tiêu—or only one piece from this medley and one from other medley, Lưu thủy-Kim tiền, are performed.

2. Lý vọng phu (Singing with accompaniment)

Performer: Minh Mẫn
Time of audio-recording: 1997

Lý vọng phu is one song with the Lý tune, influenced by the folk music treasure in Thừa Thiên-Huế region. Its lyrics are the confidence of a wife, whose husband is far from home, about her waiting for her husband.

3. Nam ai (Instrumental ensemble)

Performer: The folk artist group in Huế City
Time of audio-recording: 1998

Nam ai, which can be called Ai giang nam, is a basic melody in the Ca Huế repertoire. According to legend, King Nguyễn Phúc Chu, who was the Minh King in the Nguyễn dynasty (1691-1725), composed Ai giang nam, which is the forerunner of Nam ai. It can be concluded that the Nam ai melody was born in the eighteenth century. The Nam ai melody is played with slow tempo and has a melancholy nuance. As a result, it was not allowed to be performed in the court, and it is sometimes used in sacrifice ceremonies or funerals.

4. **Nam xuân** **(The solo of the nhị two - string fiddle)**

Performer: Phạm Văn Phúc
Time of audio-recording: 1998

Compared with Nam ai, this melody is more cheerful, expressing mild sorrow and sometimes bringing a solemn atmosphere. With the specific techniques of pressing and vibrating, the Nam xuân melody in Ca Huế does not have the similar nuance with other melodies with the same name of other musical types such as Đờn ca tài tử or Tuồng (classical theatre)

5. **Tứ đại cảnh** **(Instrumental ensemble)**

Performers: The folk artist group in Huế City
Time of audio-recording: 1998

It is a typical Ca Huế composition. It was composed by King Tự Đức (1848-1883) of the Nguyễn dynasty, based on a Quan họ song, called Khi tương phùng khi tương ngộ, to praise the scenery in spring, summer, autumn, and winter. Some people suppose that the lyrics praise the four kings of the Nguyễn dynasty—Gia Long, Minh Mạng, Triệu Trị, and Tự Đức. Tứ đại cảnh belongs to Nam tune, dựng nuance with opulent and sorrowful nuances, complaints, and self-blame.

6. **Lý tình tang** **(Singing with accompaniment)**

Performer: Diệu Liên
Time of audio-recording: 1972

Like Lý vọng phu, Lý tình tang belongs to Huế folk music and the Ca Huế repertoires. Its lyrics mention love exchange and describe the charm of a woman in the eye of the man secretly loving her.

7. **Long ngâm** **(Instrumental ensemble)**

Performers: The folk artist group in Huế city
Time of audio-recording: 1998

While Thập thủ liên hoàn is the medley with ten musical pieces, taken from Ca Huế by musical mandarins to be performed in the court, Long ngâm is contrary. It originates from royal music and then followed Ca Huế to spread in common communities. Long ngâm has a solemn nuance but little sympathy. It has the integration between sorrowfulness and happiness.

8. **Hò mái nhì - Nam Bình** **(Singing with accompaniment)**

Performer: Khánh Vân
Time of audio-recording: 1997

Hò mái nhì is a famous and typical act of Ca Huế combining a Hò worksong and one typical composition of Ca Huế. Hò mái nhì, with a trilling and smooth melody, is a worksong on rivers. Hò mái nhì is very popular in both rural and urban areas of the Thừa Thiên-Huế region. It is usually sung on the romantic Hương River. The poem, included in Hò mái nhì, was written by Ứng Bình Thúc Giạ Thị, a royal of the Nguyễn dynasty and a famous poet in Huế in the first half of the twentieth century.

Nam Bình tune of Ca Huế is melodious with melancholy. The lyrics are well known because it is a famous poem called “Tình phân ly” (Separation), about the historic marriage between princess Huyền Trân of the Đại Việt country and King Chế Mân of the Chiêm Thành country in the fourteenth century.

베트남 중부지역의 까 후에

까 후에(Cà Huế; 후에 노래 부르기)는 베트남 중부 도시인 후에(Huế)에서 연행되는 독특한 전통 실내악이다. 까 후에는 궁중음악에서 유래했다. “옹우옌 왕들과 대비들을 위해 연주하던 실내악이 있었다.”¹⁾ 까 후에는 처음에 왕족, 고위 관료, 부자들을 위해 연주하던 실내악이었다. 이후 일반 대중에게 널리 퍼졌다. 까 후에는 점점 다양한 후에 민속음악 양식의 영향을 받게 됐다. 한창 발전하던 시기에는 예를 들어 ‘반 응오(bản Ngự) 10곡’ 또는 ‘탑 투 리엔 호안(Tháp thủ liên hoàn)’이라고도 하는 ‘반 따우(bản Tàu) 10곡’이 제물 봉헌을 위한 의식이나 특별 행사에서 궁중 악사들에 의해 궁중에서 연주되는 등 다시 궁중음악에 영향을 미쳤다. 까 후에는 지도층과 일반 대중의 예술 작품 수요를 충족시킬 수 있는

특별한 음률을 만들어 냈으로써 민속음악과 궁중음악의 정수를 하나로 섞어 놓았다. 이 때문에 까 후에는 과거에 새해 맞이 의식 또는 승전 축하나 개업 행사 등 기쁜 일이 있을 때 고위 관료, 지도층, 후에 주민들의 집에서 연주됐다.

과거에는 지도층, 고위 관료, 학자나 아름답고 뜻 깊은 노랫말을 지을 수 있는 사람만 까 후에에 참여할 수 있었다. 그들은 함께 악기를 연주하면서 연주 음악과 노래를 통해 생각을 공유했다. 한 사람의 노래와 악기 연주는 다른 사람의 노래와 작곡에 영감을 주는 형식이었다. 까 후에 참여자들은 또한 관객이었다. 그들은 서로 상대방의 재능을 존경하며 즐겼다. 최근에는 전통 까 후에 이외에 무대에서 일반 대중을 위한 까 후에가 연주된다. 일반 대중을 위한 까 후에는 상업 음악처럼 작곡가, 연행자, 관중 사이에 분명한 구분울 둔다. 실내악 까 후에의 특징인 함께 연주하는 사람들 간의 상호작용은 이제 개인의 집에서 연주되는 까 후에

에만 남아 있다. 까 후에 연주 방식은 실내악과 반주를 결들인 가창 두 가지다. 까 후에 관현악단에는 달 모양 류트인 옹우옌(nguyệt), 2현금인 니(nhị), 작은 조롱박 같은 서양배 모양의 류트인 띠바(tỳ bà), 16현 치터인 짜인(tranh), 3현 류트인 탐(tam), 1현금인 버우(bầu), 플루트, 딱따기인 셴(sênh), 동전 달린 캐스터네즈인 셴 띠엔(sênh tiến), 북 등이 포함된다. 보편 형태의 까 후에는 기악 이중주(짜인과 띠바, 짜인과 옹우옌, 짜인과 니)와 기악 삼중주(짜인, 니, 옹우옌), 대중의 인기를 가장 많이 받고 있는 5개 주요 악기 합주(옹우옌, 니, 띠바, 짜인, 탐)다. 오늘날 까 후에 합주에서 때때로 맘이 빠지기도 하지만 북, 셴 띠엔, 셴, 송 로안(song loan, 타악기) 등이 새롭게 추가됐다. 또한 플루트와 버우가 반주로 연주된다.

까 후에의 조율 방식에는 박(bác) 줄, 남(nam) 줄, 오안(oán) 줄, 저이 투언(dây thun), 저이 응익(dây nghich), 저이 쩐(dây chẵn), 저이 티엣(dây thiet), 저이 옹우옌 디에우 저이 호 늦(dây nguyệt điếu dây hò nhứt), 호 니(hò nhị) 줄, 호 바(hò bà) 줄, 호 쯔(hò trư) 줄 등 여러 가지가 있다. 노래는 조율 방식에 따라 달라진다. 다른 전통음악과 마찬가지로 까 후에 합주에서 현악기 연주를 위한 가장 중요한 기술은 반음 누르기, 1 음 누르기, 1과 2분의 1 음 누르기, 2음 누르기, 3음 누르기, 글리산도, 히팅(hitting), 스킵핑(skipping), 비브라토 등 손가락을 눌렀다가 떼는 주법이다. 다른 주법으로는 슬래핑(slap-ping), 히팅, 퍼포카토(fuocato), 아르페지오, 스타카토, 찌이(cháy), 호엥(huống), 찹(chóp), 자이(dây) 등이 있다. 하지만 이러한 손가락 주법은 독특한 방식으로 사용되며, 다른 지역과는 다른 후에만의 특징을 만들어 낸다. 까 후에 기악 합주에서 악기는 다른 기악 합주에서와 동일한 역할을 한다. 기악 합주와 더불어 까 후에에서는 반주를 결들인 가창도

유명하다. 까 후에 가창은 후에의 목소리와 지역의 날말로 된 노랫말로 이뤄져 있어서 지역성이 느껴진다. 가창자는 트아티엔후에(Thị Thiên-Huế) 지역 주민의 음성에 맞도록 발음을 정확하게 연습해야 한다. 까 후에 전형의 가창 기술로는 바이브레이팅, 진성, 두성 등이 사용된다. 하지만 가창자가 까 후에 형식으로 노래를 부르기 위한다면 구전에 따른 훈련을 받아야 한다.

까 후에는 많은 성악곡과 신나고 엄숙한 가락의 박 음률(Bác tune)과 슬픈 가락의 남 음률(Nam tune) 두 가지로 이뤄진 기악곡 등 매우 다양한 곡이 있다. 이러한 멜로디는 느린 속도로 깊은 슬픔을 표현하는 아이 풍(ai nuance), 투덜대며 깊은 슬픔을 표현하는 오안 풍(oán nuance), 아이 풍보다 원숙하고 발랄한 쑤언 풍(xuân nuance), 남 음률과 박 음률을 넘나드는 증 풍(dụng nuance), 중국 남부 지방 음악 색이 나는 광 풍(quang nuance), 박 음률에 많은 변주가 있는 다오 풍(dào nuance), 의례의 엄숙함이 있는 낙 풍(nhac nuance), 불교 느낌의 티엔 풍(thiên nuance) 등 다양한 감정을 표현한다. 까 후에 음악을 대표하는 몇 가지를 다음과 같이 소개한다.

- 박 음률의 곡 : 르우 트이(Lưu thủy), 옹우 도이 트엥(Ngũ đôi thượng), 옹우 도이 하(Ngũ đôi hạ), 롱 응엄(Long ngâm), 꼬 반(Cố bản), 롱 디엵(Lông điệp), 푸 록(Phu lục; 느리고 빠름), 탑 투 리엔 호안(Tháp thủ liên hoàn); 펴 뚜옌 Phấm tuyền, 옹우옌 띠에우 Nguyễn tiều, 호 광 Hồ quang, 리엔 호안 Liên hoàn, 빈 반 Bình bản, 띠이 마이 Tây mai, 김 띠엔 Kim tiến, 쑤언 풍 Xuân phong, 롱 호 Longhò, 떠우 마 Tú má)

- 남 음률(아이 풍)의 곡 : 남 아이(Nam ai; 아이 장 남 Ai giang nam), 남 빈(Nam bình), 과 푸(Quả phụ), 뜨엥 뜨 쿣

1. Trần Văn Khê: Lời Ca Huế và lời nhạc Tài tử. The Bách Khoa journal, No 101, Sài Gòn, 1961, 68 쪽. 즈엥빅하(Dương Bích Hà)가 'Ly Huế'에서 인용함. (베트남음악학연구소 음악출판소, 하노이, 1997)

(Tuơng tũ khũc)

- 남 음률(쑤언 풍 및 증 풍)의 곡 : 하인 번(Hành vân), 남 쑤언(Nam xuân), 하 장 남(Hạ giang nam), 꼬 반 증(Cổ bản dung), 뜨 다이 까인(Tử đại cảnh)

또한 까 후에 음악 가운데에는 리 띠 당(Lý tinh tang), 리 띠 비(Lý từ vi), 리 봉 푸(Lý vọng phu), 호 마이 더이(Hồ mái đây), 호 마이 니(Hồ mái nhì) 등 리 음률(Lý tune)과 호 음률(Hồ tune)의 느낌이 나는 것도 있다.

까 후에 공연은 주로 박 음률로 시작해 남 음률로 이어져서 관객으로 하여금 행복감을 들게 했다가 구슬픈 느낌을 받게 한다.

까 후에는 2세기가 넘는 동안 발전해 오면서 베트남 중부 지역뿐만 아니라 베트남 전역을 대표하는 주요 전통음악의 하나가 됐다.

이 CD에 수록된 음악은 베트남음악연구소가 1970년대와 1990년대의 20세기에 녹음한 것들이다. 음질은 좋지 않지만 수록된 곡들은 능숙한 까 후에 연행자들이 전성기에 녹음한 것들이어서 이 정도 고품질의 음악을 다시 연행하기는 어렵다.

1. 탐 투 리엔 호안 (Thập thủ liên hoàn; 기악 합주)

연행자: 후에 민속음악단
녹음연도: 1998년

이것은 10곡이 연속으로 연주되는 메들리 곡이다. 이 음악이 의례, 축제, 외국 사신의 접대 행사 등에서 연주되고 난 이후에 므너이 반 응오(Muội bán Ngự) 또는 므너이 반 따우(Muội bán tấu)로 불렸다. 10곡은 다음과 같은 순서로 계속 이어져서 연주된다.

- + 폼 뚜엣(Phạm tuyết)
- + 응우옌 띠에우(Nguyễn tiếu)
- + 호 광(Hồ quang)
- + 리엔 호안(Liên hoàn)
- + 빈 반 하이 빈 반(Bình bán hay Bình bán)
- + 띠이 마이(Tây mai)
- + 깸 띠엔(Kim tiến)
- + 쑤언 풍(Xuân phong)
- + 롱 호(Long hồ)
- + 띠우 마(Tấu mã)

이 메들리는 느린 박자의 음악에서 빠른 박자의 음악 순서로 연주되며, 아다지오로 시작해서 전체 메들리의 절정인 따오 마 곡으로 끝난다. 오늘날 탐 투 리엔 호안 메들리 10곡은 모두 연주되지 않는다. 그 대신 폼 뚜엣 및 응우옌 띠에우를 포함한 두 곡만 연주되거나 이 메들리에서 나온 한 곡과 르우 트이-깸 띠엔(Lưu thủy-Kim tiến) 메들리에서 나온 한 곡이 함께 연주된다.

2. 리 봉 푸 (Lý vọng phu; 반주를 곁들인 가창)

연행자: 민안(Minh Mãn)
녹음연도: 1997년

리 봉 푸(Lý vọng phu)는 리 음률(Lý tune)로 된 곡의 하나로, 트아 티엔후에(Thủ Thiên-Huê) 지역 민속음악의 영향을 받았다. 노랫말은 남편을 멀리 떠나보낸 부인이 남편을 기다리는 아내의 일편단심을 담고 있다.

3. 남 아이 (Nam ai; 기악 합주)

연행자: 후에 민속음악단
녹음연도: 1998년

아이 장 남(Ai giang nam)이라고도 불리는 남 아이(Nam ai)는 까 후에 곡의 기본 가락이다. 진실에 따르면 응우옌 왕조 시대 때 민(Minh) 왕으로 있던 응우옌푹쑤(Nguyễn Phúc Chu) 왕이 남 아이의 전조인 아이 장 남을 작곡했다. 이에 따라 남 아이 가락은 18세기에 발생했다고 생각할 수 있다. 남 아이 가락은 느린 박자로 연주되며, 구슬픈 느낌을 준다. 따라서 이 음악은 궁중에서 허용되지 않았으며, 때때로 제물을 바치는 의례나 장례식에서 연주됐다.

4. 남썬 (Nam xuân)- 2현금 니(nhị) 독주

연행자: 팜반족(Phạm Văn Phức)
녹음연도: 1998년

남 아이(Nam ai)와 비교하면 남썬(Nam xuân) 가락은 가벼운 슬픔을 표현하면서 때때로 엄숙한 분위기를 자아내는 등 다소 활발하다. 누르기, 떨기 등 독특한 주법을 사용하면서 연주되는 까 후예의 남썬 가락은 돈 까 타이 트(Dòn ca tài tú)나 뚜옹(Tuông) 같은 다른 유형의 음악에서 동일한 이름으로 연주되는 가락과 다른 느낌을 준다.

5. 뜨다이 까인 (Tứ đại cảnh; 기악 합주)

연행자: 후에 민속음악단
녹음연도: 1998년

뜨다이 까인(Tứ đại cảnh)은 까 후예를 대표하는 악곡의 하나다. 응우옌 왕조 때의 뚜득(Từ Đức, 1848~1883) 왕이 키 뜨엥 풍 키 뜨엥 응오(Khi tương phùng khi tương ngô)라고 불리는 판 호(Quan họ) 노래에 기반을 두고 봄, 여름, 가을, 겨울의 경치를 칭송하기 위해 작곡했다. 노랫말이 자롱(Gia Long), 민망(Minh Mạng), 쩌에 우찌(Trịcú Trị), 뜨득(Từ Đức) 등 응우옌 왕조의 왕 4명을 칭송하는 것으로 여기는 사람이 많다.

뜨다이 까인은 화려하면서도 슬프고 불평과 자기비판색이 나는 증 풍(dùng nuance)의 남 음률(Nam tunc)에 속한다.

6. 리띤땅 (Lý tình tang; 반주가 곁들여진 가창)

연행자: 지에우리엔(Điền Liên)
녹음연도: 1972년

리 봉 푸(Lý vọng phu)와 마찬가지로 리 띤 땅(Lý tình tang)도 후에 민속음악에 속하면서 까 후에 곡의 일부다. 이 노래는 남녀 간의 사랑과 짝사랑하는 남자의 눈에 비친 여자의 매력을 묘사하는 내용을 담고 있다.

7. 롱응엄 (Long ngâm; 기악 합주)

연행자: 후에 민속음악단
녹음연도: 1998년

탑 투 리엔 호안(Tháp thủ liên hoàn)이 궁중에서 고위 관료들이 연주하던 음악 가운데 10곡을 모아 놓은 메들리 곡이라면 롱응엄(Long ngâm)은 그 반대다. 롱응엄은 궁중음악에서 기원해 일반 대중에게 전파됐다. 롱응엄은 엄숙한 분위기를 내지만 감동은 거의 주지 않는다. 이 곡은 슬픔과 기쁨을 하나로 뭉뚱그렸다.

8. 호마이 니-남빈 (Hò mái nhì - Nam Bình; 반주를 곁들인 가창)

연행자: 카인빈(Khánh Vân)
녹음연도: 1997년

이것은 유명한 까 후예를 대표하는 노래로, 호(Hò) 노동요와 까 후에 전형의 노래를 합해 놓은 것이다. 호마이 니(Hò mái nhì)는 신나고 부드러운 가락으로 된 어업노동요이다. 호마이 니는 트아티엔후에(Thị Thiên Huế)의 시골뿐만 아니라 도시 지역에서도 매우 유명한 노래다. 특히 이 노래는 주로 풍광이 아름다운 호엥 강(Huon)에서 불려진다. 호마이 니에 담겨 있는 시는 응우옌 왕조의 왕족이자 20세기 전반의 유명한 후에 시인인 응빈특자티(Ưng Bình Thích Già Thi)가 지었다. 까 후예의 남 빈(Nam Bình) 음률은 구슬프고도 감미로운 가락으로 되어 있다. 이 노랫말이 유명해진 이유는 14세기 때 다이비엣(Dại Việt) 왕국 공주와 찌엣타인(Chiêm Thành) 왕국 쉐민(Ché Mán) 왕의 결혼과 관련된 띤 띤 리(Tình phân lý; 헤어짐)라는 시이기 때문인 것으로 알려져 있다. 🎵

Contributors

Co-Production Directors / Chịu trách nhiệm xuất bản
Nguyễn Bình Định, Kwon Huh

Editors / Biên tập
Phạm Minh Hương, Nguyễn Thủy Tiên,
Đặng Hoàng Loan

Introduction / Lời giới thiệu
Phạm Minh Hương

Sound editors / Chỉnh sửa âm thanh
Trần Minh Đức, Trần Hải Đăng

English translation / Dịch tiếng Anh
Hoàng Diệu Thương

Korean translation / Dịch tiếng Hàn Quốc
Jeongeun Park

Layout / Trình bày
Đình Khánh Linh



The Vietnamese Institute for Musicology would like to express our sincere thanks to the International Information and Networking Centre for Intangible Cultural Heritage in the Asia-Pacific Region under the auspices of UNESCO (IHCAP) for its assistance in creating this CD.

